HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 04 /2022/NQ-HĐND	*Lạng Sơn, ngày 07 tháng 7 năm 2022*

NGHỊ QUYẾT
Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN
KHÓA XVII, KỲ HỌP THỨ MƯỜI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 24/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 – 2025;

Xét Tờ trình số 62/TTr-UBND ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của Ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế Ngân sách - Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn (sau đây viết tắt là Chương trình).

2. Đối tượng áp dụng

a) Các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các đơn vị sử dụng kinh phí Chương trình.

b) Cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến việc lập, thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm từ nguồn ngân sách nhà nước thuộc Chương trình.

Điều 2. Nguyên tắc phân bổ vốn

1. Việc phân bổ vốn đầu tư phát triển và kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thuộc Chương trình phải tuân thủ các quy định của pháp luật về đầu tư công, ngân sách nhà nước và các quy định liên quan.

2. Bảo đảm công khai, minh bạch, quản lý tập trung, thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách; thực hiện phân cấp trong quản lý đầu tư theo quy định của pháp luật, tạo quyền chủ động cho các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố.

3. Việc phân bổ vốn đầu tư phát triển và kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thuộc Chương trình nhằm thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình; đầu tư có trọng tâm, trọng điểm và bền vững, trọng tâm là các huyện nghèo.

4. Việc phân bổ cụ thể ngân sách trung ương và tỷ lệ đối ứng của ngân sách địa phương phải phù hợp với tình hình thực tế, khả năng cân đối của ngân sách nhà nước; mục tiêu, nhiệm vụ, dự kiến kết quả thực hiện kế hoạch hằng năm và tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công, kết quả thực hiện kế hoạch đầu tư công năm trước.

5. Không phân bổ vốn của Chương trình để chi cho các hoạt động thuộc nhiệm vụ quản lý nhà nước đã được bố trí đầy đủ từ nguồn vốn chi thường xuyên.

Điều 3. Tiêu chí, định mức và phương pháp phân bổ vốn ngân sách trung ương

1. Quy định chung về tiêu chí phân bổ vốn ngân sách trung ương.

a) Quy mô dân số của các huyện, thành phố để tính hệ số được xác định căn cứ vào số liệu công bố của Cục Thống kê tỉnh năm 2021.

b) Số hộ nghèo, hộ cận nghèo và tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo của các huyện, thành phố để tính hệ số được xác định căn cứ vào số liệu công bố kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2021 theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2022 - 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

c) Đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thành phố để tính hệ số được xác định căn cứ vào quyết định của cơ quan có thẩm quyền đến ngày 31 tháng 12 năm 2020.

d) Huyện nghèo theo Quyết định số 353/QĐ-TTg ngày 15 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo giai đoạn 2021 - 2025.

đ) Trường hợp địa bàn đáp ứng nhiều chỉ số trong cùng một tiêu chí phân bổ vốn thì áp dụng chỉ số có hệ số phân bổ vốn cao nhất.

2. Tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và phương pháp tính toán, xác định vốn phân bổ cho các cơ quan, đơn vị, địa phương theo tiêu chí của từng dự án, tiểu dự án thành phần được quy định chi tiết theo 07 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này.

Điều 4. Tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình

1. Hằng năm, ngân sách địa phương đối ứng tối thiểu bằng 3% tổng ngân sách trung ương hỗ trợ thực hiện Chương trình. Các đơn vị chủ trì thực hiện các dự án, tiểu dự án thuộc ngân sách cấp nào thì cấp đó bố trí vốn đối ứng.

2. Đối với cấp huyện có thể cân đối, bố trí đủ vốn đối ứng nhưng không thực hiện đối ứng trong năm kế hoạch theo quy định, khi phân bổ kế hoạch vốn năm sau, sẽ trừ ngân sách trung ương tương ứng với số vốn đối ứng còn thiếu của cấp huyện. Trường hợp cấp huyện sau khi đã sử dụng các nguồn tài chính theo quy định mà không cân đối đủ nguồn lực để thực hiện đối ứng được thì ngân sách tỉnh sẽ xem xét hỗ trợ.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết, báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh kết quả thực hiện theo quy định.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Lạng Sơn khóa XVII, kỳ họp thứ mười thông qua ngày 07 tháng 7 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày 18 tháng 7 năm 2022./.

Nơi nhận:
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Chính phủ;
- Các bộ: LĐTB&XH, KH&ĐT, TC, NN&PTNT, TTTT;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Công báo tỉnh, Báo Lạng Sơn, Đài PTTH tỉnh, Cổng Thông tin điện tử tỉnh Lạng Sơn;
- Lưu: VT, HSKH.

CHỦ TỊCH

Đoàn Thị Hậu

Phụ lục I

Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo

(Kèm theo Nghị quyết số 04 /2022/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lạng Sơn)

1. Phân bổ 100% vốn ngân sách Trung ương của Dự án cho 02 huyện nghèo Bình Gia và Văn Quan.

2. Tiêu chí, hệ số phân bổ và phương pháp tính thực hiện như khoản 1 Điều 5 Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ./.

Phụ lục II

Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo

(Kèm theo Nghị quyết số 04 /2022/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lạng Sơn)

1. Phân bổ 100% vốn ngân sách trung ương của Dự án cho các huyện, thành phố.

2. Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho các huyện, thành phố:

Tiêu chí	Hệ số
1. Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thành phố	
Dưới 10%	0,4
Từ 10% đến dưới 20%	0,5
Từ 20% đến dưới 30%	0,6
Từ 30% trở lên	0,7
2. Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thành phố	
Dưới 500 hộ	0,4
Từ 500 đến dưới 1.000 hộ	0,45
Từ 1.000 đến dưới 2.000 hộ	0,5
Từ 2.000 đến dưới 3.000 hộ	0,6
Từ 3.000 đến dưới 4.000 hộ	0,7
Từ 4.000 đến dưới 6.000 hộ	0,8
Từ 6.000 hộ trở lên	0,9
3. Tiêu chí 3: Địa bàn khó khăn	
Là huyện nghèo	0,12
Mỗi một xã đặc biệt khó khăn	0,015
4. Tiêu chí 4: Số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thành phố	
Dưới 10 xã	1
Từ 10 đến 13 xã	1,15
Từ 14 đến 17 xã	1,3
Từ 18 đến 21 xã	1,5
Từ 22 xã trở lên	2

3. Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn

Vốn ngân sách trung ương phân bổ cho tỉnh để tỉnh phân bổ cho từng huyện, thành phố được tính theo công thức:

$$\mathbf{C_i = Q.\ X_i\ .Y_i}$$

Trong đó:

C_i là vốn ngân sách trung ương tỉnh phân bổ cho huyện thứ i.

X_i là tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo, tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thành phố thứ i.

Y_i là tổng hệ số tiêu chí vùng khó khăn, số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thành phố thứ i theo công thức:

Đối với huyện nghèo:

$Y_i = (0,12 + 0,015 \text{ x } XN_i) \text{ x } 2,5 + ĐV_i.$

Đối với huyện, thành phố còn lại:

$Y_i = (0,015 \text{ x } XN_i) \text{ x } 2,5 + ĐV_i.$

XN_i là số xã đặc biệt khó khăn của huyện thứ i.

$ĐV_i$ là hệ số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thành phố thứ i.

Q là vốn bình quân cho một huyện, thành phố được tính theo công thức:

$$\mathbf{Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^{n} Xi.Yi}}$$

G là tổng số vốn ngân sách trung ương phân bổ cho tỉnh để tỉnh phân bổ cho các huyện, thành phố thực hiện Dự án 2 của Chương trình.

Phụ lục III

Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng

(Kèm theo Nghị quyết số 04 /2022/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lạng Sơn)

I. Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp

a) Phân bổ 100% vốn ngân sách trung ương của Dự án cho các huyện, thành phố.

b) Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho các huyện, thành phố

Tiêu chí	Hệ số
1. Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thành phố	
Dưới 10%	0,4
Từ 10% đến dưới 20%	0,5
Từ 20% đến dưới 30%	0,6
Từ 30% trở lên	0,7
2. Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thành phố	
Dưới 500 hộ	0,4
Từ 500 đến dưới 1.000 hộ	0,45
Từ 1.000 đến dưới 2.000 hộ	0,5
Từ 2.000 đến dưới 3.000 hộ	0,6
Từ 3.000 đến dưới 4.000 hộ	0,7
Từ 4.000 đến dưới 6.000 hộ	0,8
Từ 6.000 hộ trở lên	0,9
3. Tiêu chí 3: Địa bàn khó khăn	
Là huyện nghèo	0,12
Mỗi một xã đặc biệt khó khăn	0,015
4. Tiêu chí 4: Số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thành phố	
Dưới 10 xã	1
Từ 10 đến 13 xã	1,15
Từ 14 đến 17 xã	1,3
Từ 18 đến 21 xã	1,5
Từ 22 xã trở lên	2

c) Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn

Vốn ngân sách trung ương phân bổ cho tỉnh để tỉnh phân bổ cho từng huyện, thành phố được tính theo công thức:

$\mathbf{Đ_i = Q. X_i . Y_i}$

Trong đó:

$Đ_i$ là vốn ngân sách trung ương tỉnh phân bổ cho huyện, thành phố thứ i.

X_i là tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo, tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thành phố thứ i.

Y_i là tổng hệ số tiêu chí vùng khó khăn, số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thành phố thứ i theo công thức:

Đối với huyện nghèo:

$Y_i = (0,12 + 0,015 \times XN_i) \times 2,5 + ĐV_i$.

Đối với huyện, thành phố còn lại:

$Y_i = (0,015 \times XN_i) \times 2,5 + ĐV_i$.

XN_i là số xã đặc biệt khó khăn của huyện thứ i.

$ĐV_i$ là hệ số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thành phố thứ i.

Q là vốn bình quân cho một huyện, thành phố được tính theo công thức:

$$\mathbf{Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^{n} Xi.Yi}}$$

G là tổng số vốn ngân sách trung ương phân bổ cho tỉnh để tỉnh phân bổ cho các huyện, thành phố thực hiện Tiểu dự án 1 thuộc Dự án 3 của Chương trình.

2. Tiểu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng

a) Phân bổ 100% vốn ngân sách trung ương của Tiểu dự án cho các huyện, thành phố.

b) Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho các huyện, thành phố

Tiêu chí	Hệ số
1. Tiêu chí 1: Địa bàn khó khăn	
Là huyện nghèo	0,12
Mỗi một xã đặc biệt khó khăn	0,015
2. Tiêu chí 2: Số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thành phố	
Dưới 10 xã	1
Từ 10 đến 13 xã	1,15
Từ 14 đến 17 xã	1,3
Từ 18 đến 21 xã	1,5
Từ 22 xã trở lên	2

3. Tiêu chí 3: Tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi của trẻ em dưới 5 tuổi của huyện, thành phố	
Trên 19%	1,6
Từ 16% đến 19%	1,4
Từ 13% đến dưới 16%	1,2
Dưới 13%	1

Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thấp còi của huyện, thành phố theo số liệu năm 2021 của Sở Y tế.

c) Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn

Vốn ngân sách trung ương phân bổ cho tỉnh để tỉnh phân bổ cho từng huyện, thành phố được tính theo công thức:

$\mathbf{E_i = Q.\ Y_i\ .DD_i}$

Trong đó:

E_i là vốn ngân sách trung ương tỉnh phân bổ cho huyện, thành phố thứ i.

DD_i là hệ số tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi trẻ em dưới 5 tuổi của huyện, thành phố theo số liệu năm 2021 của Sở Y tế.

Y_i là tổng hệ số tiêu chí vùng khó khăn, số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thành phố thứ i theo công thức:

Đối với huyện nghèo:

$Y_i = (0,12 + 0,015 \times XN_i) \times 2,5 + ĐV_i.$

Đối với huyện, thành phố còn lại:

$Y_i = (0,015 \times XN_i) \times 2,5 + ĐV_i.$

XN_i là số xã đặc biệt khó khăn của huyện thứ i.

$ĐV_i$ là hệ số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thành phố thứ i.

Q là vốn bình quân cho một huyện, thành phố được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^{n} Yi.DDi}$$

G là tổng số vốn ngân sách trung ương phân bổ cho tỉnh để tỉnh phân bổ cho các huyện, thành phố thực hiện Tiểu dự án 2 thuộc Dự án 3 của Chương trình./.

Phụ lục IV

Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững

(Kèm theo Nghị quyết số 04 /2022/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lạng Sơn)

1. Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn

a) Đối với vốn đầu tư phát triển

- Phân bổ 100% vốn đầu tư phát triển ngân sách trung ương của Tiểu dự án cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

- Phân bổ vốn theo danh mục dự án đầu tư cụ thể được cấp có thẩm quyền phê duyệt trên cơ sở nhu cầu thực tế của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập, giao Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ chi tiết.

b) Đối với vốn sự nghiệp

(1) Phân bổ tối đa 20% tổng số vốn sự nghiệp ngân sách trung ương của Tiểu dự án cho các cơ quan cấp tỉnh;

(2) Phân bổ tối đa 40% tổng số vốn sự nghiệp ngân sách Trung ương của Tiểu dự án để hỗ trợ các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh;

Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập:

Tiêu chí	Hệ số
1. Tiêu chí 1: Cơ sở giáo dục nghề nghiệp	
Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên	0,5
Cao đẳng	0,7
2. Tiêu chí 2: Loại hình đào tạo	
Sơ cấp và đào tạo nghề dưới 3 tháng	0,5
Trung cấp, Cao đẳng	0,7
3. Tiêu chí 3: Số lượng tuyển sinh của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp	
Dưới 200 người/năm	0,4
Từ 200 đến dưới 500 người/năm	0,5
Từ 500 đến dưới 700 người/năm	0,6
Từ 700 đến dưới 900 người/năm	0,7
Từ 900 người/năm trở lên	0,8

Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp

Vốn sự nghiệp ngân sách trung ương phân bổ cho từng cơ sở giáo dục nghề nghiệp được tính theo công thức: $\mathbf{I_i = Q \times X_i}$, trong đó:

I_i là vốn ngân sách trung ương phân bổ cho từng cơ sở giáo dục nghề nghiệp thứ i.

X_i là tổng các hệ số tiêu chí của cơ sở giáo dục nghề nghiệp thứ i theo công thức: $X_i = CS_i + (ĐT_i \times 3) + SL_i$

CS_i là hệ số tiêu chí cơ sở giáo dục nghề nghiệp của cơ sở giáo dục nghề nghiệp thứ i;

$ĐT_i$ là hệ số tiêu chí loại hình đào tạo nghề của cơ sở giáo dục nghề nghiệp thứ i;

SL_i là hệ số tiêu chí số lượng tuyển sinh của cơ sở giáo dục nghề nghiệp thứ i;

Q là vốn bình quân cho một cơ sở giáo dục nghề nghiệp được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^{n} Xi}$$

G là tổng số vốn ngân sách trung ương phân bổ để hỗ trợ một số cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập thực hiện Tiểu dự án 1 thuộc Dự án 4 của Chương trình.

Căn cứ tình hình thực tế và các văn bản hướng dẫn của bộ, ngành Trung ương để tổ chức triển khai thực hiện bảo đảm theo các quy định hiện hành.

(3) Phân bổ tối thiểu 40% cho cấp huyện để hỗ trợ đào tạo nghề cho người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; người dân sinh sống trên địa bàn huyện nghèo.

Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho cấp huyện để hỗ trợ đào tạo nghề cho người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; người dân sinh sống trên địa bàn huyện nghèo:

Tiêu chí	Hệ số
1. Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thành phố	
Dưới 10%	0,4
Từ 10% đến dưới 20%	0,5
Từ 20% đến dưới 30%	0,6
Từ 30% trở lên	0,7
2. Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thành phố	
Dưới 500 hộ	0,4

Từ 500 đến dưới 1.000 hộ	0,45
Từ 1.000 đến dưới 2.000 hộ	0,5
Từ 2.000 đến dưới 3.000 hộ	0,6
Từ 3.000 đến dưới 4.000 hộ	0,7
Từ 4.000 đến dưới 6.000 hộ	0,8
Từ 6.000 hộ trở lên	0,9
3. Tiêu chí 3: Địa bàn khó khăn	
Là huyện nghèo	0,12
Mỗi một xã đặc biệt khó khăn	0,015
4. Tiêu chí 4: Số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thành phố	
Dưới 10 xã	1
Từ 10 đến 13 xã	1,15
Từ 14 đến 17 xã	1,3
Từ 18 đến 21 xã	1,5
Từ 22 xã trở lên	2
5. Tiêu chí 5: Số lượng tuyển sinh trên địa bàn huyện, thành phố	
Dưới 500 người/năm	0,5
Từ 500 người/năm đến dưới 600 người/năm	0,6
Từ 600 người/năm trở lên	0,7

Số lượng tuyển sinh trên địa bàn các huyện, thành phố để tính hệ số được xác định căn cứ vào số liệu kết quả tuyển sinh đào tạo nghề cho lao động nông thôn năm 2020 do Sở Lao động - Thương binh và Xã hội công bố.

Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn:

Vốn ngân sách trung ương phân bổ cho tỉnh để tỉnh phân bổ cho từng huyện, thành phố được tính theo công thức:

$\mathbf{K_i = Q.X_i}$

Trong đó:

K_i là vốn ngân sách trung ương tỉnh phân bổ cho huyện, thành phố thứ i.

X_i là tổng số các hệ số tiêu chí của huyện, thành phố thứ i theo công thức:

Đối với huyện nghèo:

$X_i = TL_i + QM_1 + 0,12 + 0,015 \times XN_i + ĐV_i + TS_i$

Đối với huyện, thành phố còn lại:

$X_i = TL_i + QM_1 + 0,015 \times XN_i + ĐV_i + TS_i$

TL_i là hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thành phố thứ i.

QM_i là hệ số tiêu chí tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thành phố thứ i.

XN_i là số xã đặc biệt khó khăn của huyện thứ i.

$ĐV_i$ là hệ số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thành phố thứ i.

TS_i là hệ số tiêu chí số lượng tuyển sinh trên địa bàn huyện, thành phố thứ i.

Q là vốn bình quân cho một huyện, thành phố được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^{n} Xi}$$

G là tổng số vốn sự nghiệp ngân sách trung ương phân bổ cho tỉnh để tỉnh phân bổ cho các huyện, thành phố thực hiện Tiểu dự án 1 thuộc Dự án 4 của Chương trình để hỗ trợ đào tạo nghề cho người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người dân sinh sống trên địa bàn huyện nghèo.

2. Tiểu dự án 2: Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng

Hằng năm, căn cứ nhu cầu thực tế của địa phương, Sở Lao động, Thương binh và Xã hội chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan rà soát, tổng hợp, tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ chi tiết nguồn vốn sự nghiệp ngân sách trung ương giao để thực hiện.

3. Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững

Phân bổ 100% vốn đầu tư phát triển và vốn sự nghiệp ngân sách trung ương của Tiểu dự án cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

Phụ lục V

Dự án 5: Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo

(Kèm theo Nghị quyết số 04 /2022/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lạng Sơn)

1. Vốn sự nghiệp ngân sách trung ương phân bổ cho các huyện nghèo trên cơ sở kế hoạch hằng năm căn cứ nhu cầu xây mới, sửa chữa nhà ở của hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn 02 huyện Bình Gia và Văn Quan và đề xuất kinh phí hỗ trợ thực hiện, quản lý của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

2. Định mức hỗ trợ: nhà xây mới 40.000.000 đồng/hộ; sửa chữa nhà 20.000.000 đồng/hộ từ vốn sự nghiệp ngân sách trung ương./.

Phụ lục VI

Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin

(Kèm theo Nghị quyết số 04 /2022/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lạng Sơn)

1. Tiểu dự án 1: Giảm nghèo về thông tin

a) Phân bổ vốn ngân sách trung ương của Tiểu dự án: tối đa 30% cho Sở Thông tin và Truyền thông; tối thiểu 70% cho các huyện, thành phố.

b) Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho các huyện, thành phố

Tiêu chí	Hệ số
1. Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thành phố	
Dưới 10%	0,4
Từ 10% đến dưới 20%	0,5
Từ 20% đến dưới 30%	0,6
Từ 30% trở lên	0,7
2. Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thành phố	
Dưới 500 hộ	0,4
Từ 500 đến dưới 1.000 hộ	0,45
Từ 1.000 đến dưới 2.000 hộ	0,5
Từ 2.000 đến dưới 3.000 hộ	0,6
Từ 3.000 đến dưới 4.000 hộ	0,7
Từ 4.000 đến dưới 6.000 hộ	0,8
Từ 6.000 hộ trở lên	0,9
3. Tiêu chí 3: Địa bàn khó khăn	
Là huyện nghèo	0,12
Mỗi một xã đặc biệt khó khăn	0,015
4. Tiêu chí 4: Số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thành phố	
Dưới 10 xã	1
Từ 10 đến 13 xã	1,15
Từ 14 đến 17 xã	1,3
Từ 18 đến 21 xã	1,5
Từ 22 xã trở lên	2

c) Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn

Vốn ngân sách trung ương phân bổ cho tỉnh, tỉnh phân bổ cho từng huyện, thành phốđược tính theo công thức:

$\mathbf{N_i = Q.X_i.Y_i + D_i}$

Trong đó:

N_i là vốn ngân sách trung ương tỉnh phân bổ cho huyện, thành phố thứ i.

X_i là tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo, tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thành phố thứ i.

Y_i là tổng hệ số tiêu chí vùng khó khăn, số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thành phố thứ i quy định tại theo công thức:

Đối với huyện nghèo:

$Y_i = 0,12 + 0,015 \times XN_i + ĐV_i$.

Đối với huyện, thành phố còn lại:

$Y_i = 0,015 \times XN_i + ĐV_i$.

XN_i là số xã đặc biệt khó khăn của huyện thứ i.

$ĐV_i$ là hệ số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thành phố thứ i.

D_i là nhu cầu kinh phí thực hiện nội dung đặc thù giảm nghèo thông tin theo hướng dẫn của cơ quan chủ trì Tiểu dự án của tỉnh.

Q là vốn bình quân cho một huyện, thành phố được tính theo công thức:

$$\mathbf{Q = \frac{G - D}{\sum_{i=1}^{n} Xi.Yi}}$$

Trong đó:

G là tổng số vốn ngân sách trung ương phân bổ cho tỉnh để tỉnh phẩn bổ cho các huyện, thành phố thực hiện Tiểu dự án 1 thuộc Dự án 6 (sau khi trừ vốn ngân sách trung ương, tỉnh phân bổ cho sở để thực hiện Tiểu dự án 1 thuộc Dự án 6);

D là tổng nhu cầu kinh phí thực hiện nội dung đặc thù giảm nghèo thông tin của huyện, thành phố.

2. Tiểu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều

a) Phân bổ tối đa 35% cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; tối thiểu 65% cho các huyện, thành phố.

b) Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho các huyện, thành phố

Tiêu chí	Hệ số
1. Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thành phố	
Dưới 10%	0,4
Từ 10% đến dưới 20%	0,5
Từ 20% đến dưới 30%	0,6
Từ 30% trở lên	0,7

2. Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thành phố	
Dưới 500 hộ	0,4
Từ 500 đến dưới 1.000 hộ	0,45
Từ 1.000 đến dưới 2.000 hộ	0,5
Từ 2.000 đến dưới 3.000 hộ	0,6
Từ 3.000 đến dưới 4.000 hộ	0,7
Từ 4.000 đến dưới 6.000 hộ	0,8
Từ 6.000 hộ trở lên	0,9
3. Tiêu chí 3: Địa bàn khó khăn	
Là huyện nghèo	0,12
Mỗi một xã đặc biệt khó khăn	0,015
4. Tiêu chí 4: Số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thành phố	
Dưới 10 xã	1
Từ 10 đến 13 xã	1,15
Từ 14 đến 17 xã	1,3
Từ 18 đến 21 xã	1,5
Từ 22 xã trở lên	2

c) Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn

Vốn ngân sách trung ương phân bổ cho tỉnh để tỉnh phân bổ cho từng huyện, thành phố được tính theo công thức:

$$\mathbf{P_i = Q.X_i.Y_i}$$

Trong đó:

P_i là vốn ngân sách trung ương tỉnh phân bổ cho huyện, thành phố thứ i.

X_i là tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo, tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thành phố thứ i.

Y_i là tổng hệ số tiêu chí vùng khó khăn, số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thành phố thứ i quy định tại theo công thức:

Đối với huyện nghèo:

$Y_i = 0,12 + 0,015 \text{ x } XN_i + ĐV_i.$

Đối với huyện, thành phố còn lại:

$Y_i = 0,015 \text{ x } XN_i + ĐV_i.$

XN_i là số xã đặc biệt khó khăn của huyện thứ i.

$ĐV_i$ là hệ số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thành phố thứ i.

Q là vốn bình quân cho một huyện, thành phố được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^{n} Xi.Yi}$$

G là tổng số vốn ngân sách trung ương phân bổ cho tỉnh để tỉnh phân bổ các huyện, thành phố để thực hiện Tiểu dự án 2 thuộc Dự án 6 *(sau khi trừ vốn ngân sách trung ương tỉnh phân bổ cho Sở để thực hiện Tiểu dự án 2 thuộc Dự án 6).*

Phụ lục VII

Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình

(Kèm theo Nghị quyết số 04 /2022/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lạng Sơn)

1. Phân bổ tối đa 35% cho các sở, ban, ngành tỉnh; tối thiểu 65% cho các huyện, thành phố.

2. Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho các huyện, thành phố.

Tiêu chí	Hệ số
1. Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thành phố	
Dưới 10%	0,4
Từ 10% đến dưới 20%	0,5
Từ 20% đến dưới 30%	0,6
Từ 30% trở lên	0,7
2. Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thành phố	**Hệ số**
Dưới 500 hộ	0,4
Từ 500 đến dưới 1.000 hộ	0,45
Từ 1.000 đến dưới 2.000 hộ	0,5
Từ 2.000 đến dưới 3.000 hộ	0,6
Từ 3.000 đến dưới 4.000 hộ	0,7
Từ 4.000 đến dưới 6.000 hộ	0,8
Từ 6.000 hộ trở lên	0,9
3. Tiêu chí 3: Địa bàn khó khăn	**Hệ số**
Là huyện nghèo	0,12
Mỗi một xã đặc biệt khó khăn	0,015
4. Tiêu chí 4: Số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thành phố	**Hệ số**
Dưới 10 xã	1
Từ 10 đến 13 xã	1,15
Từ 14 đến 17 xã	1,3
Từ 18 đến 21 xã	1,5
Từ 22 xã trở lên	2

3. Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn

Vốn ngân sách trung ương phân bổ cho tỉnh để tỉnh phân bổ cho từng huyện, thành phố được tính theo công thức:

$\mathbf{R_i = Q.X_i.Y_i}$

Trong đó:

R_i là vốn ngân sách trung ương tỉnh phân bổ cho huyện, thành phố thứ i.

X_i là tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo, tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, thành phố thứ i.

Y_i là tổng hệ số tiêu chí vùng khó khăn, số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thành phố thứ i quy định tại theo công thức:

Đối với huyện nghèo:

$Y_i = 0,12 + 0,015 \text{ x } XN_i + ĐV_i.$

Đối với huyện, thành phố còn lại:

$Y_i = 0,015 \text{ x } XN_i + ĐV_i.$

XN_i là số xã đặc biệt khó khăn của huyện thứ i.

$ĐV_i$ là hệ số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thành phố thứ i.

Q là vốn bình quân cho một huyện, thành phố được tính theo công thức:

$$\mathbf{Q= \frac{G}{\sum_{i=1}^{n} Xi.Yi}}$$

G là tổng số vốn ngân sách trung ương phân bổ cho tỉnh để tỉnh phân bổ cho các huyện, thành phố thực hiện dự án 7 *(sau khi trừ vốn ngân sách trung ương tỉnh phân bổ cho Sở để thực hiện Dự án 7).*